

Số: 220/CV-VTS/2024

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2024

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG 09/2024**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Công ty cổ phần chứng khoán Việt Thành xin báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tháng 09/2024 như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hà Nội

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	ADC			ADC
2	AME			AME
3	BDB			BDB
4	BSC			BSC
5	BST			BST
6	BVS			BVS
7	CAP			CAP
8	CPC			CPC
9	CTB			CTB
10	D11			D11
11	DAD			DAD
12	DAE			DAE
13	DHP			DHP
14	DHT			DHT
15	DNC			DNC
16	DNP			DNP
17	DTD			DTD
18	DXP			DXP

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
19	GMX			GMX
20	HAD			HAD
21	HBS			HBS
22	HCC			HCC
23	HJS			HJS
24	HLC			HLC
25	HTC			HTC
26	HUT			HUT
27	IDV			IDV
28	INC			INC
29	INN			INN
30	KST			KST
31	LHC			LHC
32	LIG			LIG
33	MBS			MBS
34	MCC			MCC
35	MCF			MCF
36	MDC			MDC
37	NAG			NAG
38	NBP			NBP
39	NET			NET
40	NFC			NFC
41	NTP			NTP
42	PBP			PBP
43	PCE			PCE
44	PMC			PMC
45	PMS			PMS
46	POT			POT

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
47	PPP			PPP
48	PSC			PSC
49	PSD			PSD
50	PSE			PSE
51	PSW			PSW
52	PTS			PTS
53	PVC			PVC
54	PVI			PVI
55	PVS			PVS
56	RCL			RCL
57	S55			S55
58	S99			S99
59	SAF			SAF
60	SD5			SD5
61	SD9			SD9
62	SDC			SDC
63	SDN			SDN
64	SGC			SGC
65	SHN			SHN
66	SJ1			SJ1
67	SLS			SLS
68	SMN			SMN
69	STC			STC
70	TA9			TA9
71	THD			THD
72	THS			THS
73	THT			THT
74	TIG			TIG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
75	TNG			TNG
76	TTC			TTC
77	TV4			TV4
78	TVD			TVD
79	VBC			VBC
80	VC3			VC3
81	VC6			VC6
82	VC7			VC7
83	VCC			VCC
84	VCS			VCS
85	VGS			VGS
86	VNC			VNC
87	VNR			VNR
88	WCS			WCS

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK TPHCM

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA	CMX		AAA
2	ACB	SC5		ACB
3	ACC			ACC
4	ACL			ACL
5	AGG			AGG
6	ANV			ANV
7	ASM			ASM
8	BAF			BAF
9	BBC			BBC
10	BCG			BCG
11	BFC			BFC
12	BIC			BIC
13	BID			BID
14	BMC			BMC
15	BMI			BMI
16	BMP			BMP
17	BRC			BRC
18	BSI			BSI
19	BTP			BTP
20	BTT			BTT
21	BVH			BVH
22	BWE			BWE
23	CCI			CCI
24	CCL			CCL
25	CDC			CDC
26	CII			CII
27	CLC			CLC
28	CLW			CLW

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
29	CMG			CMG
30	CMV			CMV
31	CMX			CNG
32	CNG			COM
33	COM			CRC
34	CRC			CSM
35	CSM			CSV
36	CSV			CTD
37	CTD			CTF
38	CTF			CTG
39	CTG			CTS
40	CTS			CVT
41	CVT			DBC
42	DBC			DBD
43	DBD			DBT
44	DBT			DCL
45	DCL			DCM
46	DCM			DGC
47	DGC			DGW
48	DGW			DHA
49	DHA			DHC
50	DHC			DHG
51	DHG			DIG
52	DIG			DPG
53	DPG			DPM
54	DPM			DPR
55	DPR			DRC
56	DRC			DSN
57	DSN			DTT

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
58	DTT			DVP
59	DVP			DXG
60	DXG			EIB
61	EIB			ELC
62	ELC			FMC
63	FMC			FPT
64	FPT			FTS
65	FTS			GAS
66	GAS			GDT
67	GDT			GEG
68	GEG			GEX
69	GEX			GMD
70	GMD			GSP
71	GSP			GTA
72	GTA			GVR
73	GVR			HAH
74	HAH			HAP
75	HAP			HAX
76	HAX			HCM
77	HCM			HDB
78	HDB			HDC
79	HDC			HDG
80	HDG			HHS
81	HHS			HHV
82	HHV			HPG
83	HPG			HSG
84	HSG			HQC
85	HQC			HRC
86	HRC			HSL

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
87	HSL			HTI
88	HTI			HTL
89	HTL			HTN
90	HTN			HTV
91	HTV			HUB
92	HUB			HVH
93	HVH			IDI
94	IDI			IJC
95	IJC			ILB
96	ILB			IMP
97	IMP			ITC
98	ITC			KBC
99	KBC			KDC
100	KDC			KDH
101	KDH			KSB
102	KSB			L10
103	L10			LBM
104	LBM			LCG
105	LCG			LGC
106	LGC			LIX
107	LIX			LSS
108	LSS			MBB
109	MBB			MSN
110	MSN			MWG
111	MWG			NAF
112	NAF			NBB
113	NBB			NCT
114	NCT			NHA
115	NHA			NHH

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
116	NHH			NLG
117	NLG			NNC
118	NNC			NSC
119	NSC			NTL
120	NTL			OPC
121	OPC			PAC
122	PAC			PAN
123	PAN			PC1
124	PC1			PDN
125	PDN			PDR
126	PDR			PET
127	PET			PGC
128	PGC			PGD
129	PGD			PGI
130	PGI			PHR
131	PHR			PJT
132	PJT			PLX
133	PLX			PNJ
134	PNJ			POW
135	POW			PVD
136	PVD			PVT
137	PVT			REE
138	REE			SAB
139	SAB			SAM
140	SAM			SBA
141	SBA			SBT
142	SBT			SCR
143	SC5			SFG
144	SCR			SFI

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
145	SFG			SGN
146	SFI			SHA
147	SGN			SHB
148	SHA			SHI
149	SHB			SHP
150	SHI			SJS
151	SHP			SMB
152	SJS			SRC
153	SMB			SSC
154	SRC			SSI
155	SSC			ST8
156	SSI			STB
157	ST8			SVC
158	STB			SVI
159	SVC			SVT
160	SVI			SZC
161	SVT			SZL
162	SZC			TBC
163	SZL			TCB
164	TBC			TCH
165	TCB			TCL
166	TCH			TCM
167	TCL			TCO
168	TCM			TCT
169	TCO			TDM
170	TCT			THG
171	TDM			TIP
172	THG			TIX
173	TIP			TLG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
174	TIX			TMP
175	TLG			TMS
176	TMP			TN1
177	TMS			TNC
178	TN1			TPB
179	TNC			TRA
180	TPB			TRC
181	TRA			TV2
182	TRC			TVS
183	TV2			TVT
184	TVS			UIC
185	TVT			VIB
186	UIC			VCB
187	VIB			VCF
188	VCB			VCG
189	VCF			VCI
190	VCG			VDP
191	VCI			VGC
192	VDP			VHC
193	VGC			VHM
194	VHC			VIX
195	VHM			VND
196	VIX			VNG
197	VND			VNM
198	VNG			VPB
199	VNM			VPD
200	VPB			VPG
201	VPD			VPI
202	VPG			VRC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
203	VPI			VRE
204	VRC			VSC
205	VRE			VSI
206	VSC			VTB
207	VSI			VTO
208	VTB			YBM
209	VTO			
210	YBM			

Đường link đăng tải thông tin nói trên tại website của công ty:

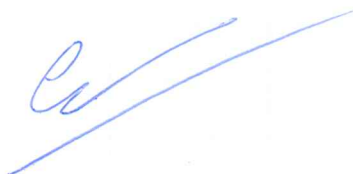
<http://vts.com.vn>, Mục Hoạt động VTS.

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

Người lập

(ký, ghi rõ họ tên)



LÊ HOÀNG QUÂN

Kiểm soát

(ký, ghi rõ họ tên)



NGUYỄN VĂN TRUNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



NGUYỄN THỊ CẨM VIÊN